

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

**PHẠM THỊ BÍCH HỒNG**

**THỰC TRẠNG SUY DINH DƯỠNG THỂ THẤP CÒI  
Ở TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI NGƯỜI DÂN TỘC MÔNG  
TẠI 2 XÃ HUYỆN QUẢN BẠ TỈNH HÀ GIANG**

**Chuyên ngành: Y học dự phòng**

**Mã số: 60.72.01.63**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS HÀ XUÂN SƠN**

**THÁI NGUYÊN, 2019**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 5 năm 2019*

**Người cam đoan**

**Phạm Thị Bích Hồng**

## LỜI CẢM ƠN

*Tôi xin trân trọng cảm ơn: Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, các thầy cô khoa Y tế công cộng - Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn của mình.*

*Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Hà Xuân Sơn - người Thầy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, dìu dắt tôi trên con đường nghiên cứu khoa học.*

*Tôi cũng xin trân trọng cảm ơn Ban giám đốc Sở Y tế tỉnh Hà Giang, Tập thể Ban giám đốc và cán bộ Trung tâm phòng chống bệnh tật tỉnh Hà Giang, Trạm y tế 02 xã Lùng Tám và Cán Tỷ đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình triển khai đề tài, học tập và nghiên cứu.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn tới các thầy cô trong Hội đồng khoa học đã tạo điều kiện, góp nhiều ý kiến quý báu cho luận văn của tôi.*

*Tôi cũng chân thành cảm ơn các thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp, gia đình và người thân đã giúp đỡ, động viên tôi cả về tinh thần và vật chất trong quá trình học tập và nghiên cứu.*

*Thái Nguyên, tháng 5 năm 2019*

**Người cam đoan**

***Phạm Thị Bích Hồng***

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

NCHS	: National Center for Health Statistics (Trung tâm Thống kê Y tế Quốc gia)
PCSDD	: Phòng chống suy dinh dưỡng
SD	: Standard deviation - Độ lệch chuẩn
SDD	: Suy dinh dưỡng
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
UNICEF	: United Nations Children's Fund - Quỹ nhi đồng liên hiệp quốc
UNFPA	: United Nations Fund for Population Activities - Quỹ dân số Liên hiệp quốc
WHO	: World Health Organization - Tổ chức Y tế thế giới

## MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN .....	3
1.1. Thông tin chung về suy dinh dưỡng .....	3
1.1.1. Khái niệm về suy dinh dưỡng .....	3
1.1.2. Suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi .....	3
1.1.3. Hậu quả suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi .....	3
1.1.4. Các phương pháp đánh giá SDD trẻ em trong cộng đồng .....	5
1.1.5. Cách đánh giá và phân loại tình trạng dinh dưỡng của trẻ em .....	7
1.2. Thực trạng SDD thấp còi trẻ em trên Thế giới và Việt Nam.....	9
1.2.1. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi trên Thế giới ...	9
1.2.2. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam.....	12
1.3. Yếu tố liên quan đến SDD thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi.....	16
Chương 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....	26
2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	26
2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu .....	26
2.2.1. Địa điểm nghiên cứu: .....	26
2.2.2. Thời gian nghiên cứu: Tháng 7/2018 đến tháng 5/2019.....	26
2.3. Phương pháp nghiên cứu.....	26
2.3.1. Thiết kế nghiên cứu.....	26
2.3.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu .....	26
2.4. Chỉ số nghiên cứu.....	27
2.4.1. Chỉ số nghiên cứu cho mục tiêu 1: Thực trạng SDD thấp còi .....	27
2.4.2. Chỉ số nghiên cứu cho mục tiêu 2: Yếu tố liên quan với SDD thấp còi.....	28
2.5. Tiêu chuẩn đánh giá một số biến số nghiên cứu .....	28
2.5.1. Xác định tuổi .....	28
2.5.2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ .....	29

2.5.3. Kinh tế hộ gia đình.....	29
2.5.4. Thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ.....	29
2.6. Phương pháp thu thập số liệu.....	30
2.6.1. Đo chỉ số nhân trắc.....	30
2.6.2. Phỏng vấn.....	31
2.7. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.....	31
2.8. Đạo đức trong nghiên cứu.....	31
Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	33
3.1. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại 2 xã huyện Quán Bạ tỉnh Hà Giang năm 2018.....	33
3.2. Một số yếu tố liên quan với suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông.....	39
Chương 4. BÀN LUẬN.....	47
4.1. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại 2 xã huyện Quán Bạ tỉnh Hà Giang năm 2018.....	47
4.2. Một số yếu tố liên quan với suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông.....	54
KẾT LUẬN.....	64
1. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại 2 xã huyện Quán Bạ tỉnh Hà Giang năm 2018.....	64
2. Một số yếu tố liên quan với suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông.....	64
KHUYẾN NGHỊ.....	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	
PHỤ LỤC.....	

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Thông tin chung về trẻ dưới 5 tuổi tham gia nghiên cứu .....	33
Bảng 3.2. Thông tin chung về các bà mẹ tham gia nghiên cứu .....	34
Bảng 3.3. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo thể .....	36
Bảng 3.4. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi theo mức độ .....	36
Bảng 3.5. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi theo giới.....	37
Bảng 3.6. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi theo xã .....	37
Bảng 3.7. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi theo tháng tuổi của trẻ .....	37
Bảng 3.8. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi theo tuổi thai khi đẻ .....	38
Bảng 3.9. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi theo tuổi mẹ/tổng số con .....	38
Bảng 3.10. Tỷ lệ SDD thấp còi theo kinh tế hộ gia đình.....	38
Bảng 3.11. Liên quan giữa kinh tế gia đình với SDD thấp còi.....	39
Bảng 3.12. Liên quan giữa nghề nghiệp mẹ với SDD thấp còi .....	39
Bảng 3.13. Liên quan giữa nghề nghiệp bố với SDD thấp còi .....	40
Bảng 3.14. Liên quan giữa trình độ học vấn của mẹ với SDD thấp còi .....	40
Bảng 3.15. Liên quan giữa tuổi kết hôn lần đầu của mẹ với SDD thấp còi ...	41
Bảng 3.16. Liên quan giữa mẹ kết hôn cận huyết với SDD thấp còi.....	41
Bảng 3.17. Liên quan giữa tăng cân của mẹ trong thai kỳ với SDD thấp còi .....	42
Bảng 3.18. Liên quan giữa số con hiện có của bà mẹ với SDD thấp còi.....	42
Bảng 3.19. Liên quan giữa thời điểm bú sữa mẹ sau đẻ với SDD thấp còi....	43
Bảng 3.20. Liên quan giữa thời điểm ăn bổ sung với SDD thấp còi .....	43
Bảng 3.21. Liên quan giữa thời gian cai sữa trẻ với SDD thấp còi .....	44
Bảng 3.22. Liên quan giữa giới tính của trẻ với SDD thấp còi .....	44
Bảng 3.23. Liên quan giữa cân nặng sơ sinh của trẻ với SDD thấp còi .....	45
Bảng 3.24. Liên quan giữa trẻ thường xuyên mắc bệnh với SDD thấp còi....	45
Bảng 3.25. Liên quan giữa tình trạng tiêm chủng với SDD thấp còi .....	46

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, suy dinh dưỡng trẻ em vẫn đang là vấn đề sức khỏe công cộng quan trọng trên thế giới, đặc biệt là tại các nước đang phát triển. Suy dinh dưỡng không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, khả năng phát triển của trẻ mà còn là gánh nặng lớn cho xã hội. Tại Việt Nam, nhận thức được vai trò quan trọng trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, Chính phủ đã sớm ban hành và cho triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách và văn bản liên quan đến phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em như: Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2001 - 2010 [31]; Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm giai đoạn 2006 - 2010, trong đó có dự án phòng chống suy dinh dưỡng [32]; Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng 2011 – 2020 và tầm nhìn 2030 [41]...

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực sau khi triển khai các chính sách, văn bản, chương trình liên đến quan phòng chống suy dinh dưỡng nhưng tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em ở nước ta vẫn còn ở mức cao. Năm 2015, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi của nước ta là 24,6%, suy dinh dưỡng nhẹ cân là 14,1% và suy dinh dưỡng gầy còm là 6,8% [8]. Tỉ lệ suy dinh dưỡng, đặc biệt là tỉ lệ suy dinh dưỡng thấp còi vẫn chiếm cao và còn chênh lệch giữa các vùng sinh thái, đặc biệt là vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên [19]. Tỉ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi ở khu vực miền núi phía Bắc là 30,3% và Tây Nguyên là 34,2% [9].

Trong các thể suy dinh dưỡng, suy dinh dưỡng thấp còi phản ánh tình trạng thiếu dinh dưỡng kéo dài, là biểu hiện phản ánh điều kiện sống, các vùng địa lý, dịch vụ y tế nghèo nàn, điều kiện nhà ở kém và chật chội [80]. Mục tiêu trong kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng của Việt Nam là giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi toàn quốc xuống dưới 21,5%, riêng vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên xuống dưới 28,0% [9].



Hà Giang là một tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam với dân số 833.692 người, trong đó tỉ lệ người dân tộc Mông chiếm cao nhất (32,8%), tỉ lệ người dân tộc Tày 23,2%, Dao 14,9% và Kinh 12,8% [12]. Thống kê năm 2017 tại Hà Giang cho thấy tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi là 34,3%, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 22,3% và suy dinh dưỡng gầy còm là 7,0% [12].

Quản Bạ là một huyện miền núi nghèo, thuộc biên giới phía Bắc tỉnh Hà Giang; huyện có 22 dân tộc anh em cùng chung sống, trong đó người Mông chiếm đa số. Người dân ở Quản Bạ còn nhiều khó khăn về kinh tế cũng như điều kiện chăm sóc trẻ. Do đó, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng vẫn còn cao, đặc biệt là suy dinh dưỡng thấp còi (34,4% năm 2018 [34]). Bên cạnh đó, người dân tộc Mông là dân tộc có vóc dáng thấp còi do phong tục kết hôn sớm [39]. Người dân tộc Mông có những phong tục tập quán liên quan đến suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi như đẻ nhiều con (*tua nhua*), chăm sóc trước sinh và sau sinh còn bất cập [39]. Nghiên cứu trên 53 dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2015 thấy tuổi kết hôn trung bình của người dân tộc Mông là 18,9 tuổi với tỉ lệ tảo hôn rất cao (59,7%) và tỉ lệ kết hôn cận huyết 1,59% [35].

Để tìm hiểu thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em người dân tộc Mông tại hai xã huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang và các yếu tố liên quan nhằm đề xuất những giải pháp cải thiện tình hình, chúng tôi tiến hành đề tài “**Thực trạng suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại 2 xã huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang**” với 2 mục tiêu:

1. Đánh giá thực trạng suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại 2 xã huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang năm 2018.

2. Xác định một số yếu tố liên quan với suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Mông tại khu vực nghiên cứu.

## Chương 1

### TỔNG QUAN

#### 1.1. Thông tin chung về suy dinh dưỡng

##### 1.1.1. Khái niệm về suy dinh dưỡng

Suy dinh dưỡng (SDD)

Suy dinh dưỡng là tình trạng chậm lớn, chậm phát triển do thiếu protein, năng lượng và các vi chất dinh dưỡng mà nguyên nhân là do chế độ ăn không đảm bảo nhu cầu protein và năng lượng, tình trạng kèm theo là các bệnh nhiễm khuẩn. Bệnh hay gặp ở trẻ dưới 5 tuổi, biểu hiện ở nhiều mức độ khác nhau, nhưng đều có ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em [3], [4]. SDD có thể xảy ra ở bất cứ lứa tuổi nào, tuy nhiên trẻ em bị tác động nghiêm trọng nhất là SDD protein - năng lượng, đặc biệt là trẻ em dưới 5 tuổi do nhu cầu năng lượng tương đối cao và đặc biệt tính cảm nhiễm cao đối với bệnh nhiễm khuẩn [3], [4].

##### 1.1.2. Suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi

SDD thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi được thể hiện ở tình trạng chiều cao của trẻ thấp hơn so với chiều cao nên có ở lứa tuổi đó, thể hiện ở chỉ số "chiều cao theo tuổi" (Height/Age) thấp dưới -2 Z-Score (hoặc dưới -2 SD so với chuẩn tăng trưởng, WHO 2006).

Tỉ lệ thấp còi cao nhất thường xảy ra ở trẻ từ 2 đến 3 tuổi [64]. Tỉ lệ hiện mắc SDD thấp còi phổ biến hơn tỉ lệ hiện mắc SDD thiếu cân ở mọi nơi trên thế giới vì có những trẻ bị thấp còi trong giai đoạn sớm của cuộc đời có thể đạt được cân nặng bình thường sau đó nhưng vẫn có chiều cao thấp.

##### 1.1.3. Hậu quả suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi

Thấp còi làm chậm tăng trưởng xương và tầm vóc, được xem là kết quả cuối cùng giảm tốc độ tăng trưởng tuyến tính. Khuynh hướng thay đổi gia tăng